

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 68/2021/DS-ST

Ngày: 20 - 4 - 2021

V/v “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thành Thật – Phó Chủ tịch HĐND phường P, thành phố L.
2. Ông Đặng Hữu Tấn – Cán bộ hưu trí xã H, thành phố L.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Vương Thị Hồng Nh, sinh năm 1986; có mặt.

Địa chỉ: Số 13/2A, đường Châu Văn Liêm, khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Vương Văn Th, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số 13/2A, đường Châu Văn Liêm, khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 124, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01/02/2021 của Văn phòng công chứng Huỳnh Minh Hoàng); có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Thông C (Đ), sinh năm 1952; có mặt.

Địa chỉ: Số 13/1, đường Châu Văn Liêm, khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 233, đường Lê Văn Nhung, khóm L 3, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 của nguyên đơn là bà Vương Thị Hồng Nh, quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Nh là ông Vương Văn Th trình bày:*

Vào khoảng những năm 1980, sư thầy Thích Huệ Đ lúc bấy giờ là Trụ trì Bình An Tự (nay là Chùa Bình An) có cho ông Nguyễn Thông C một phần đất thổ cư để cất nhà ở với diện tích khoảng  $48m^2$  ( $4m \times 12m$ ), không làm giấy tờ, tại địa chỉ đường Châu Văn Liêm, khóm L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Năm 2002, do phần đất của ông C liền ranh với phần đất của ông Vương Văn Th và do ông C có nhu cầu sửa chữa nhà nên có đề nghị ông Th ký xác nhận vào tờ giấy nói là xin được gác đòn tay qua nhà của ông Th. Thời điểm đó, do vợ của ông C bị tai nạn giao thông đang trong tình trạng nguy kịch nên ông Th đã ký vội mà chưa xem kỹ nội dung. Về sau, ông Th mới biết đó là Tờ giấy ký tên giáp ranh tứ cận để ông C kê khai đăng ký xin được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Tuy chưa xem kỹ nội dung nhưng ông Th vẫn nhớ là trong tờ giấy không thể hiện hình thể khu đất và không có chữ ký của cán bộ đo đạc cũng như xác nhận của chính quyền địa phương.

Năm 2017, sau khi ông Th tặng cho và sang tên phần đất của mình giáp ranh với phần đất của ông C nêu trên lại cho người con ruột là bà Vương Thị Hồng Nh thì bà Nh nhiều lần yêu cầu ông C phải trả lại phần đất thổ cư liền ranh với đất ông C mà trước đây cho ông C gác đòn tay nhờ có diện tích khoảng  $7,2m^2$  nhưng ông C đều không đồng ý hoàn trả. Do đó, bà Nh có Đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 gửi Tòa án nhân dân thành phố L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ để hoàn trả cho bà phần đất thổ cư có kích thước  $0,6m \times 12m = 7,2m^2$  nằm trong tổng diện tích  $52,1m^2$  của bà Nh đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS02956 ngày 24/10/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2020. Theo đó, bà Nh yêu cầu Tòa án công nhận hiện trạng phần đất có diện tích ngang khoảng  $1,2m \times$  dài  $12m = 14,4m^2$  cho bà và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai.

Tại phiên tòa, ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu theo Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2020 của bà Nh, yêu cầu Tòa án công nhận hiện trạng phần đất có diện tích  $14,4m^2$  cho bà Nh và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai.

*Bị đơn là ông Nguyễn Thông C trình bày:* Vào khoảng những năm 1980 đến năm 1983, ông với ông Th cùng một số người khác được sư thầy Thích Huệ Đ cho mỗi người

một phần đất thổ cư để xây cất nhà ở. Đến năm 2002, thực hiện chủ trương của nhà nước, ông, ông Th và những người được cho đất nêu trên đã tiến hành kê khai đăng ký; quá trình thực hiện thủ tục đo đạc các bên đều thống nhất ký tên vào biên bản giáp ranh, tứ cận nên tất cả đều được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất của ông Th sau khi được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì theo ông được biết vào năm 2017, ông Th đã sang tên xong cho bà Nh; riêng phần đất của ông thì từ khi được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01710 QSDĐ/Aa ngày 09/4/2002 với diện tích 88,60m<sup>2</sup> đất ODT, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 018 tọa lạc địa chỉ 13/1, đường Châu Văn Liêm, khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cho đến nay ông vẫn sử dụng để cất nhà ở ổn định, không có bất kỳ hành vi nào làm thay đổi hiện trạng.

Tại phiên tòa, ông xác định hoàn toàn không có việc vào năm 2002, vợ của ông bị tai nạn giao thông để nhờ ông Th ký vội biên bản giáp ranh, tứ cận nói là giấy xin gác nhờ đôn tay như ông Th trình bày. Vì vậy, ông không đồng ý với bất cứ yêu cầu gì của nguyên đơn là bà Vương Thị Hồng Nh.

*Tại Tờ tự khai ngày 18/01/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc B trình bày:*

Vào năm 2019, ông có thuê một phần nhà của ông C để bán cá lia thia, chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 12m. Đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì ông đã trả lại phần nhà nêu trên. Đầu năm 2020 thì ông tiếp tục thuê lại phần nhà này của ông C vừa bán cá lia thia, vừa bán thêm nước cam ép. Đồng thời, hai bên tiếp tục thỏa thuận miệng là khi nào ông C cần lấy lại thì ông sẽ trả mà không có tranh chấp hay khiếu nại gì.

Hiện nay Tòa án nhân dân thành phố L đang giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà Nh với ông C. Do ông mua bán kiếm sống hàng ngày và hoàn cảnh kinh tế gia đình có khó khăn. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L xem xét cho ông được vắng mặt trong suốt thời gian tham gia tố tụng và xét xử; cam kết không khiếu nại phần diện tích đất mà ông thuê của ông C; trường hợp Tòa án xét xử mà phần đất đó thuộc của người khác thì ông sẵn sàng giao lại.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:*

*Về tố tụng:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ vụ án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại

Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể đã tiến hành lấy lời khai đương sự, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại điểm a, d, đ, khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thực hiện thủ tục tố tụng đạt đúng theo quy định tại Điều 171, 175, 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung:* Nguyên đơn bà Nh được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02956 ngày 24/10/2017, thửa số 266, tờ bản đồ số 18, diện tích 52,1m<sup>2</sup> thuộc phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Bị đơn ông C được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01710 QSDĐ/Aa ngày 09/4/2002, thửa số 197, tờ bản đồ số 18, diện tích 88,6m<sup>2</sup> thuộc phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ kết quả Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 10/11/2020 thì diện tích đất của bà Nh và ông C giáp ranh, không có chồng lấn.

Bà Nh yêu cầu Tòa án công nhận hiện trạng phần đất có diện tích ngang khoảng 1,2m dài 12m là phần đất nằm trong phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và giáp ranh với phần đất của bà Nh. Do trước đây, hai bên có thỏa thuận miệng là dùng làm lối đi chung nhưng nay ông C cất nhà trên phần đất này nên bà Nh yêu cầu Tòa án công nhận cho bà và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai. Bị đơn ông C không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Nhận thấy, khi thực hiện thủ tục đo đạc cấp giấy đất cho bà Nh, ông C, các chủ đất kề cận đồng ý ký tên xác nhận, không có tranh chấp nên bà Nh, ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh, ông C là đảm bảo tính pháp lý và đúng trình tự thủ tục theo quy định. Ngoài ra bà Nh không có chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu của bà Nh là chưa có cơ sở để xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Bởi các lẽ trên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Vương Thị Hồng Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thông C phải trả lại phần đất thổ cư có diện tích khoảng 7,2m<sup>2</sup> (chiều ngang 0,6m x chiều dài 12m) tọa lạc tại khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án thụ lý giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà Nhung có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2020, yêu cầu Tòa án công nhận hiện trạng phần đất có diện tích ngang khoảng 1,2m x dài 12m = 14,4m<sup>2</sup> cho bà Nh và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định lại là “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Quyền sử dụng đất mà các bên tranh chấp có địa chỉ tọa lạc tại khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang;

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 thì bà Nh chỉ tranh chấp phần đất có diện tích ngang 0,6m x dài 12m = 7,2m<sup>2</sup>. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích đất có chiều ngang 1,2m x chiều dài 12m = 14,4m<sup>2</sup> cho bà Nh và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai, đã vượt quá so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 7,2m<sup>2</sup> (14,4m<sup>2</sup> – 7,2m<sup>2</sup>), tuy nhiên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu thay đổi này đều thuộc trường hợp nộp tạm ứng án phí dân sự không giá ngạch nên Tòa án có Thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án mà đương sự không phải nộp bổ sung tạm ứng án phí;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc B có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 của nguyên đơn là bà Vương Thị Hồng Nh, bà Nh yêu cầu ông Nguyễn Thông C phải trả lại phần đất có diện tích 7,2m<sup>2</sup> do căn nhà gỗ của ông C đã lấn chiếm qua phần đất của bà có tổng diện tích là 52,1m<sup>2</sup> mà bà đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS02956 ngày 24/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án thì bà Nh lại xác định phần diện tích 7,2m<sup>2</sup> đất nêu trên nằm trong tổng diện tích đất do ông C đứng tên Giấy chứng nhận

số 01710 QSDĐ/Aa được UBND thành phố L cấp ngày 09/4/2002 nên bà Nh có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2020, yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích 7,2m<sup>2</sup> này với phần diện tích 7,2m<sup>2</sup> liền kề cũng do ông C đứng tên Giấy chứng nhận nêu trên cộng chung là 14,4m<sup>2</sup> cho bà và ông C cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ*”. Đối chiếu quy định này cho thấy bà Nh chỉ được quyền yêu cầu ông C tách ra một phần đất hợp lý cho bà cùng sử dụng chung, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai khi và chỉ khi bà Nh chứng minh được mình có bất động sản liền kề và đang bị vây bọc bởi bất động sản liền kề khác.

Xét thấy, tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 10/11/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên thể hiện bà Nh có đứng tên bất động sản với diện tích 52,1m<sup>2</sup>, tại thửa số 266, tờ bản đồ số 18 liền kề với bất động sản do ông C đứng tên với diện tích 88,6m<sup>2</sup>, tại thửa số 265, tờ bản đồ số 18. Tuy nhiên bất động sản mà bà Nh đứng tên này theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 10/11/2020 cho thấy chẳng những không bị vây bọc bởi bất động sản liền kề khác mà còn đảm bảo đủ lối đi ra, vào đường Châu Văn Liêm. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ gì để chứng minh là bất động sản của mình đang bị vây bọc bởi bất động sản liền kề khác và phía ông C cũng không đồng ý với bất kỳ yêu cầu nào của bà Nh. Do đó, không có cơ sở để Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu theo Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2020 của bà Vương Thị Hồng Nh.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

Án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000783 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Bà Nh phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.773.000 đồng, bà Nh đã tạm nộp đủ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và được khấu trừ toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Vương Thị Hồng Nh về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 14,4m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 88,60m<sup>2</sup>, loại đất ODT, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 18 tại địa chỉ 13/1, đường Châu Văn Liêm, khóm L 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Thông C đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01710 QSDĐ/Aa được UBND thành phố L cấp ngày 09/4/2002 là phần đất thuộc quyền sử dụng chung của bà Vương Thị Hồng Nh với ông Nguyễn Thông C.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

Án phí: Bà Vương Thị Hồng Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Vương Thị Hồng Nh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000783 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông Nguyễn Thông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Bà Vương Thị Hồng Nh phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.773.000 đồng, bà Vương Thị Hồng Nh đã tạm nộp đủ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và được khấu trừ toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- CC THA Tp. Long Xuyên;

**Nguyễn Thị Xuân Thu**